

ÔNG NGUYỄN VĂN HÙNG

---❖---

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

**CƠ SỞ CHĂN NUÔI GÀ
NGUYỄN VĂN HÙNG**

Cầu Kè, tháng 1 năm 2024

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	i
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT.....	iii
DANH MỤC BẢNG.....	iv
DANH MỤC HÌNH.....	v
Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....	1
1.Tên chủ cơ sở:.....	1
2.Tên cơ sở:.....	1
3.Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:.....	2
4.Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:.....	8
Chương II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	10
1.Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	10
2.Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	11
Chương III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	13
1.Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	13
2.Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	16
3.Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	17
4.Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....	20
5.Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....	21
6.Phương pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.....	22
Chương IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	24
1.Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:.....	24
2.Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải: không có.....	25
3.Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn:.....	25
Chương V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	26

Chương VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG.....	29
CỦA CƠ SỞ.....	29
1.Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở	29
2.Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.....	29
3.Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm	30
Chương VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	32
Chương VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	33

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

STT	Ký hiệu	Diễn giải
1	NĐ	Nghị định
2	TT	Thông tư
3	QĐ	Quyết định
4	CP	Chính phủ
5	TTg	Thủ tướng chính phủ
6	UBND	Ủy ban nhân dân
7	QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
8	TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
9	QCXDVN	Quy chuẩn xây dựng Việt Nam
10	TCXDVN	Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam
11	BTNMT	Bộ Tài nguyên - Môi trường
12	BYT	Bộ Y tế
13	QTMT	Quan trắc môi trường
14	ĐTM	Báo cáo đánh giá tác động môi trường
15	CTR	Chất thải rắn
16	CTNH	Chất thải nguy hại
17	HTXLNT	Hệ thống xử lý nước thải
18	BTCT	Bê tông cốt thép
19	CTRYT	Chất thải rắn y tế

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Sản phẩm của cơ sở	8
Bảng 2. Định mức nước uống cho gà.....	9
Bảng 3. Định mức lượng nước vệ sinh 1 chuồng sau mỗi đợt nuôi	9
Bảng 4. Kết quả thử nghiệm mẫu không khí	11
Bảng 5. Khối lượng chất thải rắn từ hoạt động chăn nuôi tại cơ sở.....	18
Bảng 6. Chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở.....	21
Bảng 7. Giá trị giới hạn của chất ô nhiễm trong nước thải.....	24
Bảng 8. Kết quả quan trắc nước mặt tại điểm xả thải	26
Bảng 9. Kết quả quan trắc nước thải của trại.....	27
Bảng 10. Kết quả quan trắc môi trường không khí khuôn viên cơ sở	28
Bảng 11. Dự toán kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.....	30

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. Sơ đồ vị trí Cơ sở chăn nuôi gà Nguyễn Văn Hùng	1
Hình 2. Quy trình hoạt động tại cơ sở.....	3
Hình 3. Quy trình vệ sinh chuồng trại.....	7
Hình 4. Sơ đồ quy trình xử lý nước thải sinh hoạt bằng hầm tự hoại 3 ngăn.....	14

Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở:

- Tên chủ cơ sở: **NGUYỄN VĂN HÙNG**
- CCCD số: 092067002801 cấp ngày: 14/08/2021 tại Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
- Quê quán: Xã Tam Ngãi, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh
- Địa chỉ thường trú: H4, đường 11, TTVH Tây Đô, Hưng Thạnh, Cái Răng, Thành phố Cần Thơ.

2. Tên cơ sở:

- Tên cơ sở: **CƠ SỞ CHĂN NUÔI GÀ NGUYỄN VĂN HÙNG**
- Địa điểm cơ sở: Ấp Dinh An, xã An Phú Tân, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.
- Cơ sở được thực hiện tại thửa đất số 1276, tờ bản đồ số 2 tại ấp Ấp Dinh An, xã An Phú Tân, huyện Cầu Kè, Tỉnh Trà Vinh, với tổng diện tích là 2.590 m². Tứ cận tiếp giáp của cơ sở được mô tả như sau:

- + Phía Bắc giáp đất dân
- + Phía Nam giáp đất dân
- + Phía Đông giáp đường tỉnh 915
- + Phía Tây giáp sông Hậu

Vị trí hoạt động của Cơ sở chăn nuôi gà Nguyễn Văn Hùng được thể hiện (ảnh vệ tinh) trong hình sau:



Hình 1. Sơ đồ vị trí Cơ sở chăn nuôi gà Nguyễn Văn Hùng

- Quy mô của cơ sở:

Cơ sở chăn nuôi gà có quy mô 19.000 con/đợt nuôi. Theo nghị định số 46/2022/NĐ – CP ngày 13/7/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật chăn nuôi, số đơn vị vật nuôi của cơ sở là 95 (quy mô chăn nuôi: 19.000 con trên tổng số lượng gà trong trại bao gồm gà con và gà thịt).

+ Căn cứ mục 16, Phụ lục II nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và của Cơ sở chăn nuôi gà Nguyễn Văn Hùng là 19.000 con/đợt nuôi (tương đương 95 đơn vị vật nuôi) thì xác định Cơ sở thuộc nhóm III.

+ Căn cứ Khoản 2 Điều 39 và Khoản 4 Điều 41 Luật bảo vệ môi trường năm 2020 thì cơ sở thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy phép môi trường.

Nhằm thực hiện nghiêm chỉnh và đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành trong công tác bảo vệ môi trường, ông Nguyễn Văn Hùng (đơn vị chủ đầu tư) phối hợp với Công ty TNHH Môi trường Từ Thiện (đơn vị tư vấn) lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cho cơ sở “**Cơ sở chăn nuôi gà Nguyễn Văn Hùng**” để trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

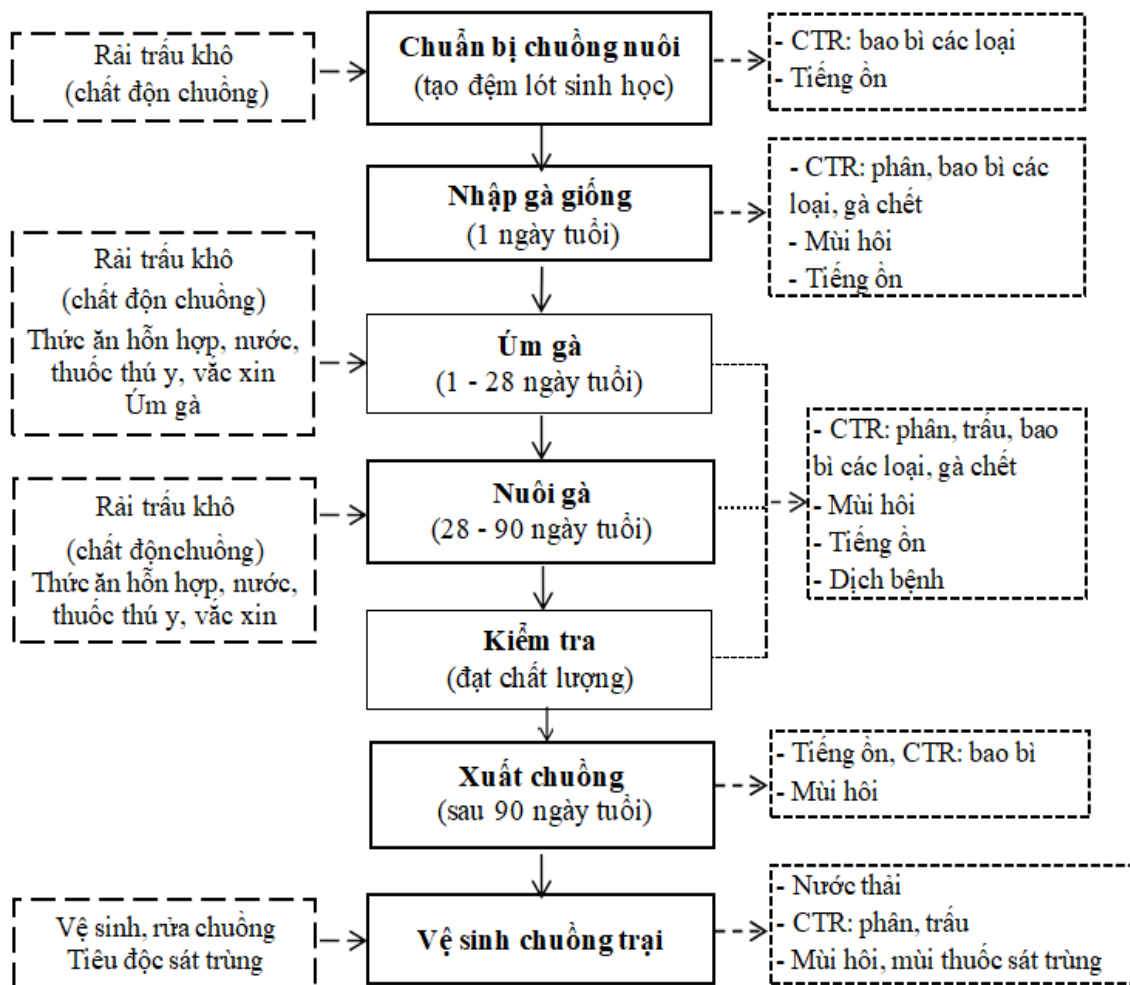
- Cơ sở được xây dựng trên khu đất có diện tích 2.590m². Tổng diện tích các hạng mục công trình của cơ sở là 1.500m² bao gồm 2 chuồng nuôi với diện tích sàn là 2.540m² (chuồng nuôi chia làm 2 tầng, mỗi tầng có diện tích 1.270m²) và các hạng mục công trình khác như kho chứa thức ăn, sân đường nội bộ,...

- Công suất hoạt động của cơ sở chăn nuôi gà Nguyễn Văn Hùng: Hiện tại cơ sở nuôi khoảng 19.000 con/đợt nuôi và công suất tối đa của trại là 19.000 con/đợt nuôi mỗi đợt nuôi khoảng 90 ngày xuất chuồng. Thời gian cách nhau giữa các đợt nuôi của trại khoảng 20 ngày.

- Công nhân làm việc tại cơ sở chăn nuôi: 1 nhân viên trực tại trại.

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

- Quy trình hoạt động của cơ sở chăn nuôi gà Nguyễn Văn Hùng:



Hình 2. Quy trình hoạt động tại cơ sở

Thuyết minh quy trình hoạt động tại cơ sở:

* Chuẩn bị chuồng nuôi: Quy trình tạo đệm lót sinh học (chất đệm chuồng):

Đệm lót sinh học tại cơ sở với thành phần chính là trấu, khi nhập về trại được xử lý sạch sẽ, trong quá trình lót sàn chuồng nuôi tiếp tục được khử trùng sạch sẽ. Các bước thực

hiện khi sử dụng đệm lót đảm bảo vệ sinh và quy định tại cơ sở như sau:

Bước 1: Rải trấu lên toàn bộ nền chuồng, sau đó thả gà vào. Chất đệm chuồng khi úm gà con trải dày 4 cm (gà lớn dày 10 cm).

Bước 2: Sau 7 – 10 ngày, quan sát trên bề mặt chuồng, khi thấy phân rải kín, dùng cào cào sơ qua lớp mặt đệm lót (cần quây gọn gà về 1 phía để tránh gây xáo trộn đàn gà).

+ Thời gian sử dụng: Một đệm lót nền chuồng được xử lý tốt có thể kéo dài thời gian sử dụng từ 1 đến 2 đợt nuôi.

+ Độ dày đệm lót: Nếu chất đệm mỏng sẽ có thời gian sử dụng ngắn hơn so với chất đệm dày (10 – 20 cm).

+ Chế độ bảo dưỡng: Sau vài ngày chăn nuôi, cào trên bề mặt đệm lót một lần để giúp cho đệm lót được tơi xốp, phân sẽ được phân hủy nhanh hơn. Tránh để bị nước mưa và nước ở máng uống làm ướt đệm lót.

** Nhập gà giống:*

Nguồn gà giống được ông Nguyễn Văn Hùng mua từ Công ty Việt Lai và cung cấp cho cơ sở bằng xe tải.

- Nguyên tắc chung trong chăn nuôi của cơ sở chăn nuôi gà Nguyễn Văn Hùng:

+ Chuồng nuôi, khu vực cách ly, chất đệm chuồng, dụng cụ chăn nuôi phải được khử trùng và để trống ít nhất 3 tuần trước khi nhập gà.

+ Phải thực hiện “cùng vào, cùng ra” một giống gà cùng độ tuổi trong một khu vực chuồng nuôi.

+ Phải cho uống nước trước khi cho ăn trong mọi giai đoạn.

+ Không khí trong chuồng nuôi phải được lưu thông thường xuyên nhưng vẫn phải đảm bảo ấm về mùa lạnh, mát về mùa nóng và độ ẩm phù hợp với từng giai đoạn.

** Úm gà:*

- Công tác chuẩn bị chuồng nuôi:

+ Chuồng nuôi và thiết bị phải được rửa sạch, sát trùng và đặt vào vị trí đúng lúc. Trước khi thả gà, toàn bộ chuồng nuôi phải được sưởi ấm 4 giờ trước khi nhận gà về. Phải luôn kiểm soát nhiệt độ quây úm (sưởi) phù hợp với gà con, không để gà con bị lạnh. Nên dựa vào các biểu hiện của gà con để điều chỉnh nhiệt độ úm (sưởi).

+ Chất đệm chuồng (trấu) khi úm (sưởi) gà con trải dày 4 cm (gà lớn dày 10cm). Máng ăn, máng uống phải phù hợp cho lứa tuổi gà.

- Quây úm (sưởi) gà con:

+ Cơ sở sử dụng úm (sưởi) bằng bóng đèn sưởi: Hạ thấp bóng đèn sưởi nằm vị trí giữa sao cho gà con phân tán đồng đều. Bóng đèn sưởi được thiết kế để sưởi cho 1.000 gà con 1 ngày tuổi.

+ Khi gà con về, gà phải được thả vào quây sưởi ngay càng nhanh càng tốt. Chú ý trong việc thả gà độ đồng đều, số lượng gà trong mỗi quây. Gà con

phải được ăn uống ngay.

+ Tổng lượng thức ăn tối đa cho ăn mỗi ngày được chia đều ra cho ăn trong ngày. Thông thường cho ăn 6-8 lần/ngày để thúc đẩy cho gà ăn được nhiều.

+ Để thúc đẩy sự phân tán đều của gà con, ánh sáng chụp sưởi phải tăng lên đến mức cần thiết 2 - 3 ngày sau đó phải bật đèn chiếu sáng trong chuồng.

+ Trong thời gian úm gà cần quan sát thời điểm nhiệt độ môi trường thấp nhất. Từ 12 giờ đêm đến 5 giờ sáng, thời điểm này trong quây úm gà thiếu nhiệt nên che đậy trên quây úm kín hơn để đủ nhiệt độ cho gà con. Nếu nhiệt độ úm lên cao gà con há miệng thở thì phải vén hở trên quây úm hoặc tắt bớt bóng điện khi thời tiết nóng bức hoặc buổi trưa.

+ Nhiệt kế treo cao hơn đầu gà con từ 2 đến 3 cm và giữa hai bóng điện là phù hợp để theo dõi.

+ Nhiệt độ úm gà con:

- Từ 1-3 ngày: 35-36⁰C
- Từ 4-7 ngày: 34-35⁰C
- Từ 8-14 ngày: 33-34⁰C
- Từ 15-21 ngày: 32-33⁰C
- Từ 22-28 ngày: 30-31⁰C
- Từ 29-35 ngày: 28-29⁰C
- Trên 35 ngày tuổi theo nhiệt độ môi trường

* Chăm sóc gà con (vận chuyển đường dài, mới nhận gà về):

- Cho uống:

+ Pha 20g (Bio) Vita electrolyte + 500g đường Glucoza + 20g Vitamin C vào 10 lít nước cho gà uống liên tục 6 giờ đầu tiên (để bù mất nước và năng lượng do vận chuyển đường dài).

+ Lật ngược máng ăn để cho gà uống 1 giờ đầu tiên và sau đó mới cho uống bằng

máng uống. Vì lúc này gà rất thiếu nước nên cần có diện tích đứng uống rộng rãi để tránh gà tranh nhau uống làm ướt lông rất nguy hiểm.

+ Cho gà uống đường Glucoza + Vitamin C được 6 giờ rồi mới tiếp tục pha thuốc úm gà con hoặc thuốc Colistin + Tylosin cho gà uống liên tục 3 đến 4

ngày.

- Cho ăn: Sau khi gà được uống đầy đủ nước 1 giờ đầu tiên mới được cho gà ăn.

* *Nuôi gà:*

- Mật độ nuôi nhốt 8– 10 con/m²

- Trung bình mỗi ngày gà được cho ăn từ 45g đến 70g, tùy thuộc vào từng giai đoạn sinh trưởng, phát triển của gà.

- Gà càng lớn thời gian ăn càng nhanh hơn, nên chỉ cho gà ăn vào buổi sáng và buổi chiều mát để tránh hiện tượng gà bị chết nóng.

- Thức ăn, nước uống được công nhân cấp định kỳ vào các máng ăn, máng uống (thức ăn và nước uống được định lượng hàng ngày theo khuyến cáo của chuyên gia).

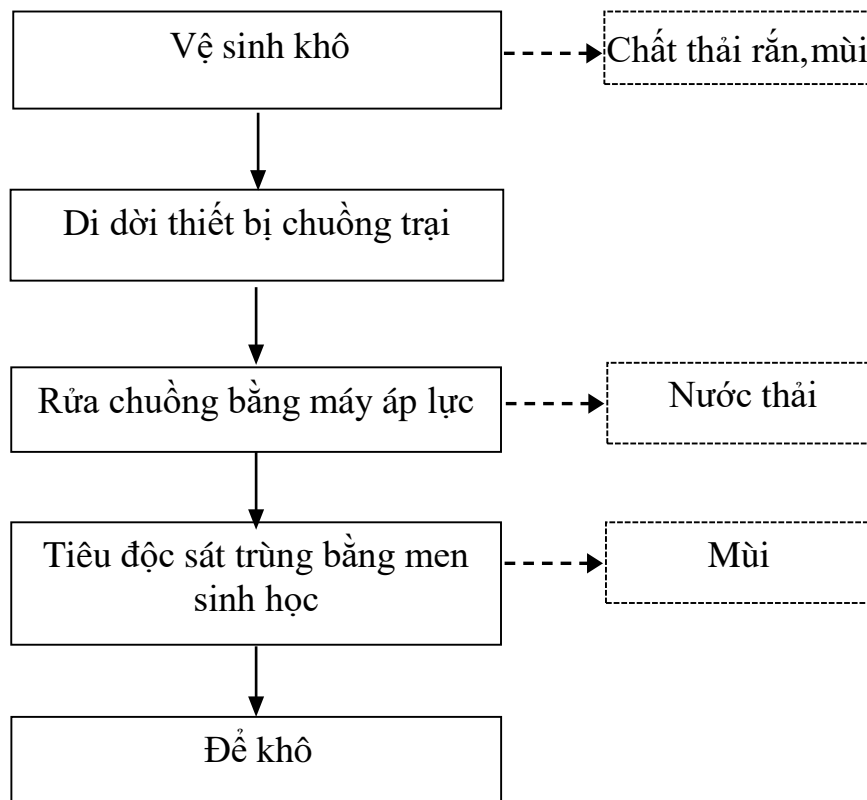
* *Xuất bán gà:*

- Gà thịt sau 90 ngày nuôi sẽ được kiểm tra chất lượng và xuất bán (do Công ty Việt Lai bao tiêu).

- Để đảm bảo chất lượng gà thịt, trước thời điểm xuất đàn gà 03 tuần, cơ sở sẽ ngừng việc tiêm các loại thuốc và vắc xin cho gà nhằm đảm bảo hóa chất đã phân hủy hoàn toàn và không còn tồn dư dư lượng ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.

* *Vệ sinh chuồng trại*

Quy trình vệ sinh chuồng trại:



Hình 3. Quy trình vệ sinh chuồng trại

- Sau khi xuất bán đàn gà thịt thương phẩm, chuồng nuôi sẽ được vệ sinh sạch sẽ. Quy trình vệ sinh thực hiện trong vòng 20 ngày gồm các bước như sau:

+ Vệ sinh khô: Sau khi gà được xuất bán, công nhân dùng các dụng cụ thu gom phân và chất độn (chối, xẻng, bao bì,...), thời gian diễn ra hoạt động vệ sinh này khoảng 5 ngày.

+ Di dời thiết bị chuồng trại: Thiết bị máng ăn, uống, sẽ được di chuyển sang khu vực khác của chuồng nuôi. Sau đó, dùng máy xịt áp lực xịt rửa những chất thải rắn còn lại trên nền nhà nuôi.

+ Tiếp theo, dùng nước xà phòng, nước vôi 30% để phun, dội rửa lên mặt nền và thiết bị nuôi. Sau đó rửa sạch bằng nước.

+ Sát trùng: Dùng thuốc sát trùng với liều lượng phù hợp. Cần kiểm tra pH nguồn nước trước khi pha loãng. Không được dùng nước cứng để pha thuốc sát trùng vì sẽ làm giảm hoặc làm mất tác dụng của thuốc sát trùng. Dùng nước có nhiệt độ phù hợp để pha loãng thuốc.

+ Để khô: Sau khi khử trùng bằng thuốc, cần phải để khô dụng cụ và trang thiết bị. Với chuồng nuôi, thời gian để khô trước khi thả lứa mới vào là 2 ngày.

Quy trình này phát sinh ra các chất thải chủ yếu bao gồm: Phân gà, nước thải, hơi khử trùng,...

3.3. Sản phẩm của cơ sở

- Sản phẩm của cơ sở là gà thịt thương phẩm. Gà khỏe mạnh không mắc các loại bệnh dịch, đạt yêu cầu kiểm định của cơ quan chức năng với trọng lượng đạt:

+ Gà trống từ 2,4-2,5 kg/con

+ Gà mái từ 1,7-1,8 kg/con

Bảng 1. Sản phẩm của cơ sở

Sản phẩm	Số lượng		Trọng lượng trung bình	Sản lượng (tỷ lệ hao hụt 2%)	Thị trường tiêu thụ
	con/đợt nuôi	con/năm			
Gà thịt thương phẩm	19.000	57.000	2,1 kg/con	2,394 tấn/năm	Trong nước (Công ty Việt Lai bao tiêu)

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:

- **Nhu cầu về điện:** Điện được sử dụng chủ yếu chạy thiết bị, máy móc phục vụ sản xuất, các thiết bị thắp sáng trong khu vực hoạt động. Nhu cầu sử dụng điện tại trang trại khoảng 4 triệu đồng/tháng.

- **Nhu cầu về nước:** Nước phục vụ cho trang trại chủ yếu là cung cấp nước uống cho gà và nước vệ sinh chuồng trại. Hiện tại, khu vực cơ sở chưa có hệ thống đường ống cấp nước đi qua. Chủ trang trại trang bị 02 giếng khoan để phục vụ nhu cầu sử dụng nước cho toàn cơ sở.

- Nhu cầu nước uống cho gà:

Thực tế nhu cầu nước uống cho gà theo độ tuổi trung bình khoảng 85 ml/con/ngày. Theo đó, tổng lượng nước cho gà uống ước tính khoảng 1,615m³/ngày.

Bảng 2. Định mức nước uống cho gà.

Số lượng			Định mức		Nhu cầu	
Chuồng nuôi	Gà (con/chuồng)	Tổng cộng (con)	Nước uống (ml/con/ngày)	Thức ăn hỗn hợp (g/con/ngày)	Nước uống (m ³ /ngày)	Thức ăn hỗn hợp (tấn/ngày)
2	9.500	19.000	85	60	1,615	1,14

- Nhu cầu nước vệ sinh chuồng trại:

Tiêu chuẩn nước rửa sàn mỗi lần vệ sinh: 1,5 lít/m²/lần rửa (Theo TCXDVN33:2006)

Lượng nước sử dụng cho vệ sinh chuồng trại được tính như sau:

Bảng 3. Định mức lượng nước vệ sinh 1 chuồng sau mỗi đợt nuôi

Diện tích chuồng (m ²)	Định mức sử dụng nước rửa (lít/m ²)	Lượng nước rửa chuồng (m ³)
2.540	1,5	3,81

- Lượng nước sử dụng để vệ sinh chuồng trại khoảng 3,81 m³/đợt nuôi

Chương II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Hiện nay chưa có quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường tỉnh.

Vị trí thực hiện cơ sở tại Ấp Dinh An, xã An Phú Tân, huyện Cầu Kè, Tỉnh Trà Vinh có tổng diện tích 2.590m², thuận lợi trong giao thông vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm.

Ngoài ra, cơ sở phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương theo Quyết định số 547/QĐ-UBND ngày 21/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc Phê duyệt rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch chi tiết phát triển chăn nuôi, các khu vực phát triển chăn nuôi tập trung và giết mổ gia súc, gia cầm tập trung tỉnh Trà Vinh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- Về quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia

+ Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia được quy định tại Khoản 2 Điều 23 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định nội dung Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia; việc lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, thời kỳ Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia được thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

+ Việc lập, thẩm định, phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia được quy định tại Quyết định số 274/QĐ-TTg ngày 18 tháng 02 năm 2020 của Thủ tướng chính phủ về Phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch bảo vệ môi trường thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

+ Một số chỉ tiêu về bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022. Trong đó, có một số nhiệm vụ liên quan đến hoạt động sản xuất nông nghiệp như:

- Thúc đẩy phát triển nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ; tăng cường tái sử dụng phụ phẩm nông nghiệp.
- Duy trì và nâng cao chất lượng môi trường nông thôn.
- Kiểm soát môi trường từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thông qua giấy phép môi trường.

o Đẩy mạnh xử lý nước thải từ các hoạt động sản xuất nông nghiệp, các làng nghề. Triển khai áp dụng các mô hình xử lý nước thải tập trung.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

2.1. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường nước

Trong quá trình hoạt động của cơ sở không phát sinh nước thải thường xuyên (khoảng 4 m³/đợt nuôi 3 tháng và được xử lý lắng lọc bằng ao sinh học trước khi thải ra môi trường) nên không ảnh hưởng đến khả năng chịu tải đối với nguồn tiếp nhận môi trường xung quanh.

Nguồn tiếp nhận nước thải của cơ sở là Sông Hậu. Theo khảo sát nguồn tiếp nhận nước thải của cơ sở chưa có dấu hiệu bị ô nhiễm.

2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường không khí

Trong quá trình hoạt động chăn nuôi tại Trại chăn nuôi gà không phát sinh khí thải công nghiệp. Tuy nhiên, có phát sinh mùi hôi từ quá trình phân hủy chất thải chăn nuôi. Do đó, nếu không thực hiện đầy đủ các biện pháp kiểm soát, quản lý các loại chất thải chăn nuôi này sẽ gây các tác động nhất định đến môi trường không khí và công nhân viên làm việc tại cơ sở.

Tại thời điểm lập Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở chăn nuôi gà Nguyễn Văn Hùng, Chủ cơ sở phối hợp với đơn vị có chức năng thực hiện quan trắc chất lượng môi trường không khí xung quanh cơ sở, kết quả quan trắc như sau:

- Vị trí giám sát không khí xung quanh: Khu vực khuôn viên cơ sở
- Thông số: Tiếng ồn, Tổng bụi lơ lửng (TSP), NO₂, SO₂, H₂S, NH₃, CO
- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 05:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

+ QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn áp dụng đối với khu vực thông thường từ 06 giờ đến 21 giờ

Bảng 4. Kết quả thử nghiệm mẫu không khí

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 05:2023/BTNMT	QCVN 26:2010/BTNMT
-----------	-----------------	---------------	----------------	---------------------------	---------------------------

1	Tiếng ồn	dBA	57,2	-	70
2	Bụi	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	90	300	-
3	NO ₂	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	57	200	-
4	SO ₂	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	55	350	-
5	H ₂ S	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	KPH (MDL=5)	42	-
6	NH ₃	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	KPH (MDL=10)	200	-
7	CO	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	< 9.000	30.000	-

(Nguồn: Phiếu kết quả thử nghiệm đính kèm Phụ lục)

Nhận xét: Môi trường xung quanh cách khu vực cơ sở có chất lượng tốt, tất cả các thông số quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2023/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT.

Như vậy, tại thời điểm lập báo cáo chất lượng môi trường không khí xung quanh cơ sở có chất lượng tốt, chưa có dấu hiệu ô nhiễm vẫn đảm bảo được khả năng tiếp nhận. Bên cạnh đó, khu vực cơ sở có diện tích rộng rãi, có nhiều cây xanh. Hệ thống cây xanh này có tác dụng góp phần điều hòa, cải thiện chất lượng môi trường không khí tại khu vực cơ sở.

Chương III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom và thoát nước mưa:

- Xung quanh khu vực các công trình phần lớn là nền đất tự nhiên và cây xanh. Do đó, Chủ cơ sở không đầu tư các công trình cống/rãnh thu gom, thoát nước mưa.

- Nước mưa một phần được thấm vào nền đất tự nhiên, một phần được chảy tràn ra các ao trong khuôn viên cơ sở.

- Xung quanh cơ sở đều là đất ruộng, cao độ nền thấp hơn cơ sở, do đó đây là biện pháp tiêu thoát nước mưa hữu hiệu.

- Song song đó, thực hiện các biện pháp kiểm soát chất lượng nước mưa chảy tràn, đảm bảo không gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất nông nghiệp xung quanh. Cụ thể như sau:

+ Bố trí nhân viên thực hiện vệ sinh khu vực sân, đường nội bộ.

+ Quá trình tập kết nguyên vật liệu phục vụ chăn nuôi hạn chế thực hiện khi thời tiết có mưa.

+ Bố trí nhân viên theo dõi mực nước các hồ ga thu gom nước thải, thực hiện thu gom chất thải triệt để tại khu vực này, đảm bảo không phát sinh chảy tràn chất thải ra môi trường, đặt biệt vào các ngày có mưa to, mưa kéo dài.

1.2. Thu gom, thoát nước thải:

❖ Công trình thu gom nước thải sinh hoạt:

Trong quá trình hoạt động, cơ sở phát sinh nguồn nước thải sinh hoạt của công nhân với số lượng 01 người làm việc thường xuyên (8 tiếng/ngày) khoảng 0,064 m³/ngày đêm

Chủ cơ sở đã bố trí 01 nhà vệ sinh để thu gom tất cả lượng nước thải sinh hoạt của nhân viên và được xử lý bằng hầm tự hoại gồm trước khi thải vào ao sinh học của cơ sở

❖ Xử lý nước thải sinh hoạt

Tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt: Căn cứ vào QCVN 01:2021/BXD thì lượng nước cấp sinh hoạt cho 1 người vào tối thiểu 80 lít/người.ngày đêm, tỷ lệ thu gom nước thải sinh hoạt phải đạt $\geq 80\%$, chọn tỷ lệ thu gom là 80%. Khi đó, lưu lượng nước thải sinh hoạt được tính như sau:

$$\begin{aligned} \text{QNTSH} &= W(\text{người}) \cdot 80(\text{lít/người.ngđ}) \cdot \text{Tỷ lệ thu gom} \\ &= 1 \cdot 80 \cdot 80 / 100 = 64 (\text{l/ngđ}) = 0,064 \text{ m}^3/\text{ngđ}. \end{aligned}$$

Trong đó:

- QNTSH: Lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh;
- W (người): Số công nhân hoạt động tại cơ sở (1 công nhân).

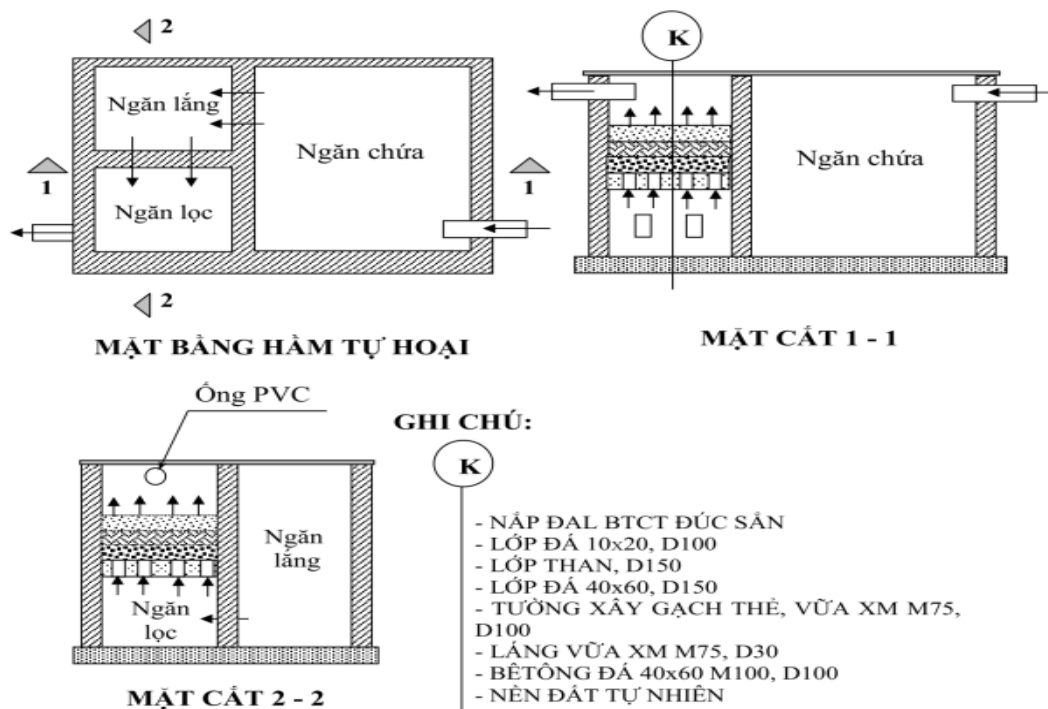
Số lượng công nhân làm việc tại cơ sở là 1 người, khi đó lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh là 0,064 m³/ngày.đêm.

Cơ sở đã xây dựng nhà vệ sinh với diện tích khoảng 10 m² để thu gom toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt của công nhân.

- Bể tự loại là công nghệ xử lý với hai chức năng lắng và phân hủy cặn lắng, cặn lắng giữ trong bể, dưới ảnh hưởng của các vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ phân hủy, một phần tạo thành các chất hòa tan.

• **Quy trình xử lý nước thải bằng hầm tự hoại:**

- Quy trình xử lý nước thải sinh hoạt như sau:



Hình 4. Sơ đồ quy trình xử lý nước thải sinh hoạt bằng hầm tự hoại 3 ngăn

• **Thuyết minh quy trình:** hầm tự hoại là công trình đồng thời làm 02 chức năng bao gồm: lắng và phân hủy cặn lắng.

- Cặn lắng được giữ lại trong bể, dưới ảnh hưởng của các sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ sẽ bị phân hủy từ từ. Hiệu quả xử lý nước thải sinh hoạt bằng

hàm tự hoại đạt 60 - 65% cặn lơ lửng SS và BOD đạt 20 - 40%. Quy trình hoạt động của bể cụ thể như sau:

+ Ngăn chứa và phân hủy kỵ khí: Có thể tích tối thiểu chiếm $\frac{1}{2}$ tổng thể tích của hầm tự hoại, đây là ngăn tiếp nhận trực tiếp dòng thải.

Thành phần, đặc tính của nước thải sinh hoạt là chứa nhiều chất hữu cơ, cặn lơ lửng hòa tan và không tan trong nước, chứa nhiều hàm lượng Nitơ và photpho tồn tại dưới các dạng hợp chất muối.

Do đó, tại đây dưới tác động của trọng lực phần cặn có tỷ trọng lớn được lắng xuống đáy bể được giữ lại; các thành phần ô nhiễm sẽ được xử lý bằng các loại vi sinh vật yếm khí tồn tại dưới đáy bể, chúng phân hủy các hợp chất hữu cơ, các thành phần muối amoni thành các khí tự do, tách ra khỏi nước, làm giảm hàm lượng ô nhiễm từ 40% - 45%.

Phần váng nổi tích lũy trên bề mặt cũng sẽ được tính toán và hút định kỳ cùng với lượng cặn đã phân hủy trong bể.

+ Ngăn lắng: Thể tích của ngăn lắng chiếm $\frac{1}{4}$ tổng thể tích của hầm tự hoại. Dòng nước thải sau khi được xử lý kỵ khí tại ngăn chứa được dẫn vào ngăn lắng nhằm loại bỏ tiếp tục lượng chất rắn lơ lửng còn trong dòng thải và sinh ra từ quá trình phân hủy của vi sinh vật.

+ Ngăn lọc: Thể tích chiếm $\frac{1}{4}$ tổng thể tích của hầm tự hoại. Tại đây, toàn bộ sinh khối cũng như cặn lơ lửng còn lại trong nước thải được loại bỏ bằng vật liệu lọc.

❖ Xử lý nước thải chăn nuôi:

- Cơ sở hoạt động với hình thức chăn nuôi bằng đệm lót khô an toàn sinh học nên không phát sinh nước thải trong quá trình hoạt động sản xuất.

- Trong quá trình chăn nuôi, Chủ cơ sở sẽ không tiến hành rửa chuồng do đặc tính của đệm lót chế phẩm balasa sử dụng không phù hợp khi sử dụng nước.

- Tuy nhiên, để đảm bảo vệ sinh chuồng trại và phòng chống dịch bệnh, sau khi kết thúc mỗi đợt nuôi, Chủ cơ sở sẽ tiến hành vệ sinh chuồng trại (sau 3 tháng).

- Nước thải phát sinh từ hoạt động vệ sinh chuồng trại tính bằng 100% lượng nước sử dụng cho mỗi lần vệ sinh chuồng trại.

- Hoạt động vệ sinh chuồng được thực hiện tại các thời điểm khác nhau (không diễn ra cùng lúc) trong khoảng thời gian 20 ngày sau mỗi đợt chăn nuôi. Trong quá trình này, chỉ có một thời điểm phát sinh nước thải là lúc dùng máy

áp lực xịt nước rửa chuồng. Lượng nước cần dùng cho hoạt động rửa chuồng: 3,81 m³

- Nước thải từ hoạt động vệ sinh chuồng trại chứa chất rắn lơ lửng, chất hữu cơ, nitơ, photpho và các thành phần khác, đặc biệt là vi sinh gây bệnh. Trong thành phần chất rắn lơ lửng của nước thải, hợp chất hữu cơ chiếm 70 – 80% gồm các hợp chất hydratcarbon, protit, amin, chất béo và các dẫn xuất của chúng có trong phân và thức ăn dư thừa. Hầu hết là các chất hữu cơ dễ bị phân hủy. Các chất vô cơ chiếm 20 – 30% các hợp chất trong phân và nước thải dễ phân hủy, gồm cát đất, muối, ure, amonium, muối clorua, sunfua,...

- Bình quân 3 tháng cơ sở xuất chuồng nên chỉ rửa chuồng trong giai đoạn này lượng nước thải khoảng 3.81m³, do đó nước thải sẽ được cho vào ao sinh học của cơ sở trước khi thải ra nguồn tiếp nhận là sông Hậu.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

2.1. Kiểm soát ô nhiễm từ khí thải phương tiện giao thông

- Thực hiện đầy đủ chế độ bảo trì, bảo dưỡng nhằm đảm bảo các phương tiện vận chuyển luôn đạt các yêu cầu kiểm định của Cục đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường.

- Sử dụng nhiên liệu đúng với thiết kế của động cơ và chuyên chở đúng tải trọng. Ưu tiên sử dụng nhiên liệu thân thiện môi trường.

- Thực hiện vệ sinh sân, đường nội bộ.

- Ban hành nội quy hạn chế phương tiện di chuyển trong khuôn viên cơ sở. Bố trí khu vực để xe cho nhân viên, đối tác.

- Tăng cường mật độ cây xanh trong khuôn viên cơ sở, nhằm tạo bức tường xanh với khu vực xung quanh.

2.2. Kiểm soát ô nhiễm từ mùi hôi, khí thải chăn nuôi:

- Thiết kế chuồng trại đúng tiêu chuẩn kỹ thuật, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình dọn vệ sinh.

- Các rãnh thu gom, thoát chất thải (phân thải, nước tiểu, nước rửa chuồng) được xây dựng với độ dốc đảm bảo cho chất thải dưới sàn chảy tự động về hệ thống thu gom, xử lý nước thải. Ưu điểm của kiểu chuồng và kiểu thu gom chất thải này giảm thiểu đáng kể mùi hôi phát sinh từ chuồng trại sau khi đã thu dọn phân gà.

- Sử dụng đệm lót sinh học trong việc xử lý mùi hôi phân thải chăn nuôi: đệm lót sinh học là lớp đệm trấu đã được xử lý mầm bệnh (khử trùng). Đệm lót sinh học giúp phân hủy phân gà, tiêu diệt mầm bệnh trong phân, giảm mùi hôi, khí độc trong chuồng, giảm thiểu mùi hôi phát tán ra môi trường.

- Sử dụng hóa chất đúng liều lượng, chủng loại, thành phần, không sử dụng các loại hóa chất thuộc danh mục cấm sử dụng hiện hành. Việc phun xịt được thực hiện theo đúng quy trình, tần suất theo đúng quy định.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân thực hiện phun xịt hóa chất khử trùng: Quần áo bảo hộ, ủng, găng tay, mũ, khẩu trang, kính.

- Tập huấn cho cán bộ, công nhân về an toàn lao động trong quá trình làm việc đồng thời giám sát việc tuân thủ các biện pháp an toàn lao động.

2.3. Mùi từ chất thải rắn sinh hoạt:

- Khu vực tập kết rác được bố trí cách xa khu vực chăn nuôi, khu làm việc và nghỉ ngơi của công nhân viên.

- Rác được chứa trong các thùng chứa rác chuyên dụng và tập kết tại khu vực gần lộ nhựa, tạo thuận tiện cho đơn vị có chức năng đến thu gom và vận chuyển rác đi xử lý hàng ngày.

- Nhân viên vệ sinh có trách nhiệm quét dọn khu tập kết rác sinh hoạt mỗi ngày không để rác rơi vãi gây mùi và gây mất mỹ quan khu vực.

3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.1. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

a. Chất thải rắn sinh hoạt

❖ Nguồn và quy mô phát sinh:

- Chất thải rắn phát sinh chủ yếu từ hoạt động sinh hoạt của công nhân tại cơ sở. Thành phần chủ yếu là Rau, vỏ hoa quả, xương, giấy, vỏ đồ hộp,...

- Chất thải rắn sinh hoạt có chứa 60 - 70% chất hữu cơ và 30 - 40% các chất khác.

- Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại cơ sở được tính toán theo công thức sau:

$CT_{sh} = n \times CT_{đm}$, trong đó:

- CT_{sh} : Khối lượng CTR sinh hoạt phát sinh trong ngày (kg/ngày).
- n : Số lượng nhân viên (01 người).
- $CT_{đm}$: Theo QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Quy hoạch xây dựng thì định mức phát sinh CTR của người dân tại khu vực cơ sở là 0,8kg/người-ngày.

- Như vậy, tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn này ước tính khoảng: (01 người x 0,8 kg/người/ngày) = **0,8 kg/ngày**.

❖ **Đề xuất công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt:**

- Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại cơ sở bao gồm:

+ Trang bị 01 thùng chứa rác chuyên dụng dung tích 60 lít bố trí tại khu vực sinh hoạt của nhân viên để thu gom toàn bộ lượng chất thải rắn sinh hoạt của công nhân viên.

+ Rác thải sinh hoạt được tập trung tại khu vực riêng tách biệt với các công trình đơn vị khác.

+ Chất thải rắn không nguy hại có khả năng tái chế được thu gom bán phế liệu.

+ Các loại rác không có khả năng tái chế, tái sử dụng được tập kết vào thùng rác chuyên dụng của cơ sở và thu gom vào thùng rác công cộng vào mỗi cuối ngày làm việc để đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý hàng ngày.

Chủ cơ sở thường xuyên nhắc nhở công nhân viên đảm bảo công tác quản lý tốt rác thải cả bên trong và ngoài khu vực cơ sở.

3.2. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn từ hoạt động chăn nuôi:

a. Nguồn và quy mô:

Thành phần và khối lượng chất thải rắn phát sinh từ hoạt động chăn nuôi của cơ sở được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 5. Khối lượng chất thải rắn từ hoạt động chăn nuôi tại cơ sở

STT	Loại chất thải	Đơn vị tính	Khối lượng
1	Bao chứa thức ăn	Kg/đợt nuôi	100
2	Hỗn hợp chất độn chuồng + phân	Tấn/đợt nuôi	44,09

- Tính toán khối lượng hỗn hợp chất độn chuồng + phân:

Theo định mức, khối lượng chất độn chuồng (trấu) rải trên bề mặt chuồng dày 10 cm.

Tổng diện tích xây dựng chuồng: 2.540 m² (2 chuồng nuôi). Khối lượng riêng

của trâu: 130 kg/m^3 .

Khối lượng trâu sử dụng cho 2 chuồng trong 1 đợt nuôi (3 tháng) : $2.540 \text{ m}^2 * 0,1 \text{ m} * 130 \text{ kg/m}^3 = 33,02 \text{ tấn/đợt nuôi}$

Khối lượng phân gà thải ra chiếm khoảng 35% lượng thức ăn, tương đương: $1,17 \text{ tấn/ngày} * 90 \text{ ngày} * 35\% = 36,9 \text{ tấn phân tươi/đợt nuôi}$

Lượng phân gà thất thoát do bay hơi: Phân khô chiếm 30% tỷ trọng phân tươi.

Khối lượng phân khô: $36,9 \text{ tấn phân tươi/đợt nuôi} * 30\% = 11,07 \text{ tấn phân khô/đợt nuôi}$.

Tổng khối lượng hỗn hợp chất độn chuồng và phân gà phát sinh trong 1 đợt nuôi: $44,09 \text{ tấn/đợt nuôi}$.

Phân gà là một loại phân hữu cơ có thành phần dinh dưỡng cao so với các phân chuồng khác như trong phân heo, phân trâu bò và các phân hữu cơ khác. Thành phần dinh dưỡng chủ yếu trong phân gà như: N: 1,6 – 1,7%; P_2O_5 : 0,5 – 0,6%, K_2O : 0,8%, CaO: 2,4%. Do đó, phân gà được sử dụng rộng rãi cho hoạt động trồng trọt. Tuy nhiên, khi sử dụng phân với nồng độ cao sẽ ảnh hưởng đến cây, môi trường đất, nước ngầm và nước mặt.

Trong chất thải chăn nuôi có nhiều vi trùng, ấu trùng, trứng giun sán. Khi sử dụng phân tươi để bón cây trồng gây nguy cơ nhiễm bệnh cho con người và động vật.

b. Hỗn hợp chất độn chuồng (trấu) và phân gà:

Chất độn chuồng được sử dụng từ khi bắt đầu đến khi kết thúc một đợt nuôi (3 tháng), được bổ sung định kỳ cho đến khi thu hoạch gà.

Sau mỗi đợt chăn nuôi và xuất bán gà, hỗn hợp trấu và phân gà tại mỗi chuồng nuôi được thu gom, đóng bao kín đảm bảo không gây ảnh hưởng tới môi trường. Công nhân sẽ trang bị các trang phục bảo hộ và sử dụng các dụng cụ chuyên dụng cho việc thu dọn phân chuồng.

Thời gian thu gom và lưu trữ tối đa hỗn hợp này tại trại là 10 ngày, tuyệt đối không lưu trữ trong thời gian quá lâu.

Khu vực lưu trữ tạm thời có mái che, được kê cao hơn so với mặt sàn và phủ kín bằng bạt nhựa, hạn chế hơi ẩm thấm vào hỗn hợp gây mùi.

Các bao chất thải này được thương lái và các đơn vị có nhu cầu sử dụng làm phân bón đến thu mua trực tiếp sau khi công nhân thu gom và đóng bao.

Trong trường hợp hỗn hợp chất độn chuồng và phân gà không được thu mua

và sử dụng, Chủ cơ sở sẽ thuê đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

c. Bao chứa thức ăn:

Bao chứa thức ăn: Được công nhân thu gom và tái sử dụng để chứa hỗn hợp chất độn chuồng và phân gà, vật tư tại cơ sở.

Chủ cơ sở cam kết chất thải rắn trong chăn nuôi (đệm lót, bao chứa thức ăn) được xử lý theo đúng quy định Điều 32 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

4.1. Công trình lưu trữ chất thải nguy hại

- Bố trí khu vực lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường: Với diện tích khoảng 02 m².

+ Kết cấu xây dựng của khu vực lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại cụ thể như sau:

- Nền bằng bê tông kiên cố, bảo đảm kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.

- Vách tường bằng bê tông kiên cố, mái lợp tole. Đảm bảo chất thải không bị tác động bởi yếu tố thời tiết (nắng, mưa,...).

- Bên trong có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa và loại/mã chất thải được lưu trữ.

- Bố trí thiết bị lưu chứa CTNH:

+ Thực hiện phân loại chất thải tại nguồn, đảm bảo lưu giữ trong các bao bì hoặc thiết bị lưu chứa phù hợp.

+ Bố trí 01 thùng rác nhựa 60l, có nắp đậy và dán mã chất thải nguy hại.

+ Thiết bị lưu giữ đều được dán nhãn rõ ràng, dễ đọc, không bị mờ và phai màu.

4.2. Công trình xử lý chất thải nguy hại

- Tại cơ sở thực hiện trang bị thùng rác thu gom và bố trí khu vực lưu trữ chất thải nguy hại tại cơ sở.

- Khi khối lượng phát sinh tại cơ sở nhiều sẽ thực hiện chuyển giao chất thải nguy hại tại cơ sở cho đơn vị có chức năng thực hiện dịch vụ xử lý nguy hại theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của

Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.3. *Chủng loại, tổng khối lượng chất thải nguy hại phát sinh*

Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở được liệt kê trong bảng sau:

Bảng 6. Chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở

Mã chất thải	Tên chất thải	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (Y)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại thông thường	Kí hiệu phân loại	Khối lượng
13 02 03	Hoá chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	18 02 05	A40250	Y1	Đ, ĐS	Rắn/lỏng	KS	05 kg/năm
16 01 06	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	20 01 21	A1030	Y29	Đ, ĐS	Rắn	NH	01 kg/năm
Tổng cộng								06 kg/năm

4.4. *Chủng loại, tổng khối lượng chất thải nguy hại phát sinh*

- Tại thời điểm lập báo cáo cơ sở không phát sinh chất thải nguy hại.

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

a) Các công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn tại khu chăn nuôi chủ yếu làm ảnh hưởng đến người dân sống xung quanh, tuy nhiên khoảng cách từ nguồn gây ồn đến hộ dân khá xa nên tác động từ tiếng ồn là không đáng kể. Dù vậy, chủ cơ sở vẫn thực hiện các biện pháp sau để giảm thiểu tiếng ồn:

- Các xe vận chuyển thức ăn phải tắt máy trong quá trình chờ bốc dỡ, hạn chế bóp còi trong khu vực gần trại chăn nuôi;
- Bố trí giờ xuất chuồng gà hợp lý tránh giờ nghỉ trưa gây ảnh hưởng đến người dân;
- Trồng thêm cây xanh tại khuôn viên cơ sở để giảm bớt tiếng ồn;

b) Quy chuẩn áp dụng đối với tiếng ồn, độ rung:

- Đối với tiếng ồn: áp dụng QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

6. Phương pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

6.1. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ

Nhằm phòng ngừa và ứng phó kịp thời khi phát sinh sự cố cháy nổ, các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu được áp dụng tại cơ sở như sau:

- Thường xuyên và định kỳ kiểm tra, sửa chữa hệ thống điện nhằm phát hiện, sửa chữa kịp thời các thiết bị hư hỏng.

- Xây dựng nội quy nghiêm cấm các hộ tiểu thương thờ cúng, đốt nhiều vàng mã trong khu vực sạp kinh doanh.

- Các phương tiện PCCC luôn được kiểm tra thường xuyên và trong tình trạng sẵn sàng ứng phó sự cố;

- Tuyên truyền, nâng cao ý thức của các hộ tiểu thương trong công tác phòng cháy chữa cháy: Nâng cao ý thức trong quá trình lưu trữ hàng hóa, sử dụng điện và các thiết bị điện phù hợp. Khuyến khích các hộ tiểu thương kinh doanh các mặt hàng dễ cháy trang bị thiết bị chữa cháy tại chỗ.

- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan có chức năng để được tập huấn định kỳ các phương pháp PCCC, ứng phó khi phát sinh cháy nổ.

- Phối hợp với cơ quan có chức năng khi phát sinh sự cố cháy nổ, để được hướng dẫn kịp thời các biện pháp ứng phó và khắc phục sự cố.

6.2. Giảm thiểu sự cố về tai nạn lao động

Người lao động trực tiếp tham gia sản xuất trong trang trại có nhiều nguy cơ bị lây nhiễm một số bệnh từ gia cầm như: Các bệnh về đường hô hấp, bệnh cúm khi gia cầm mắc bệnh truyền sang người, nhiễm giun, sán do vệ sinh kém, bệnh uốn ván do nhiễm vi trùng uốn ván khi bị xây xát do bất cẩn và một số bệnh lây nhiễm khác.

Nguy cơ nhiễm bệnh đặc biệt là một số bệnh có tính lây lan và khả năng gây tử vong cao như bệnh cúm, có khả năng lây từ người sang người thường gây thiệt hại lớn về kinh tế, tính mạng sức khỏe của cộng đồng và có khả năng bùng nổ dịch bệnh trên phạm vi rộng.

Sự cố tai nạn lao động:

Tai nạn lao động có thể xảy ra bất kỳ thời điểm nào trong quá trình hoạt động

chăn nuôi của cơ sở.

Những nguyên nhân chính dẫn đến sự cố lao động gồm: Nhân viên bất cẩn khi vận hành các máy móc hoặc vận hành thiết bị không theo đúng quy trình kỹ thuật, thiết bị không được kiểm tra định kỳ theo quy định,...

Nếu nhân viên không tuân thủ một số nguyên tắc về an toàn lao động có thể xảy ra một số tai nạn lao động như: Giật điện, bỏng do nhiệt, hóa chất,...

Công trình và biện pháp:

- + Đảm bảo an toàn vệ sinh lao động cho công nhân làm việc.
- + Đảm bảo các yếu tố vi khí hậu và điều kiện lao động đạt tiêu chuẩn do Bộ Y tế ban hành để đảm bảo sức khỏe cho người lao động.
- + Tập huấn an toàn lao động cho công nhân làm việc tại cơ sở bao gồm các mối nguy hiểm về tai nạn lao động, các biện pháp phòng tránh để không xảy ra tai nạn lao động cũng như biện pháp sơ cấp cứu khi có tai nạn lao động xảy ra.
- + Trang bị đầy đủ các phục trang bảo hộ lao động cần thiết để hạn chế những tác hại cho công nhân .
- + Kiểm tra, giám sát công nhân viên tuân thủ thao tác an toàn, vệ sinh lao động.

6.3. Giảm thiểu sự cố xảy ra dịch bệnh

Để giảm thiểu tới mức thấp nhất khả năng phát sinh dịch bệnh cho đàn gà, trại sẽ nghiêm túc thực hiện các giải pháp như sau:

Định kỳ phun khử trùng khu vực trong chuồng nuôi 03 ngày khử trùng một lần. Tiến hành tổng vệ sinh, tiêu độc, khử trùng định kỳ chuồng trại chăn nuôi theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn nhằm tiêu diệt mầm bệnh, không để phát sinh dịch bệnh.

Trong trường hợp khi phát hiện dịch bệnh xảy ra phải:

- + Đưa gà bị dịch bệnh vào khu vực cách ly được bố trí tại cơ sở để điều trị và tiêm phòng dịch bệnh cho toàn đàn gà.
- + Thông báo ngay cho cán bộ thú y tại địa phương.
- + Không bán chạy, không vứt xác chết bừa bãi.
- + Vệ sinh tiêu độc khử trùng các phương tiện ra vào trang trại.

Chương IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:

- Nguồn phát sinh:
+ Nước thải phát sinh từ quá trình hoạt động chăn nuôi tại cơ sở: 3,81 m³/ngày.

- Lưu lượng xả thải tối đa: 4m³/ngày đêm.

- Dòng nước thải: 01 dòng nước thải sau ao sinh học của cơ sở.

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:

+ Thành phần chính của nước thải chăn nuôi chủ yếu là các chất rắn lơ lửng, cặn bã, các hợp chất hữu cơ như COD, BOD₅, các chất dinh dưỡng như Nitơ và vi sinh. Vì vậy, các chất ô nhiễm theo dòng nước thải đề nghị cấp phép của cơ sở là: pH, BOD₅, COD, TSS, Tổng Nitơ, Tổng Coliforms.

+ Giới hạn nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải đề nghị cấp phép không vượt quá Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải chăn nuôi QCVN 62:2016/BTNMT, cột B (với hệ số K_q = 0,9, K_f = 1,3) của Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể như sau:

Bảng 7. Giá trị giới hạn của chất ô nhiễm trong nước thải

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn QCVN 62:2016/BTNMT, cột B
1	pH	-	5,5 – 9
2	BOD ₅	mg/L	100
3	COD	mg/L	300
4	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/L	150
5	Tổng Nitơ (Theo N)	mg/L	150
6	Tổng Coliforms	MPN/100 mL	5.000

- Phương thức xả thải: Tự chảy.

- Chế độ xả thải: 3 tháng/lần (Sau mỗi đợt nuôi)

- Phương thức xả thải: Nước thải sau ao sinh học của cơ sở được xả vào sông Hậu.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải: không có

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn:

Nguồn phát sinh: từ phương tiện giao thông, thiết bị, máy móc trong quá trình hoạt động của cơ sở là nguồn ồn không liên tục chỉ phát sinh khi nhập nguyên liệu và xuất bán gà nên cơ sở không đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn.

Chương V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Hộ kinh doanh Nguyễn Văn Hùng phối hợp với Công ty TNHH Môi trường Từ Thiện (đơn vị tư vấn) và Công ty cổ phần xây dựng và môi trường Đại Phú thực hiện quan trắc chất lượng môi trường nước thải, nước mặt, không khí cụ thể như sau:

1. Kết quả quan trắc môi trường nước mặt

- Vị trí quan trắc: 01 mẫu nước mặt Sông Hậu tại điểm xả thải của cơ sở
- Tần suất quan trắc: 06 tháng/lần
- Thông số giám sát: pH, BOD₅, COD, TSS, Nitrat (NO₃⁻ tính theo N) và Coliform.
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 08:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt, Bảng 2, mức B

Bảng 8. Kết quả quan trắc nước mặt tại điểm xả thải

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08:2023/BTNMT Bảng 2, Mức B
1	pH	-	6,41	6 - 8,5
2	TSS	mg/L	41,5	100
3	COD	mg/L	12,8	15
4	BOD ₅	mg/L	3,8	6
5	NH ₄ ⁺	mg/L	0,18	0,3
6	Tổng P	mg/L	0,08	0,3
7	Coliform	MPN/100mL	1,1x10 ³	5.000

Nhận xét: Nước mặt tại điểm xả thải của cơ sở có chất lượng tốt, các thông số đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 08:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt, Bảng 2, mức B.

2. Kết quả quan trắc môi trường nước thải

- Vị trí quan trắc: Nước thải sau xử lý tại ao sinh học của cơ sở trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

- Tần suất quan trắc: 06 tháng/lần
- Thông số giám sát: pH, BOD₅, COD, TSS, tổng nitơ và tổng coliform.

Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 62-MT:2016/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi (cột B với hệ số $K_q = 0,9$ và $K_f = 1,3$)

Bảng 9. Kết quả quan trắc nước thải của trại

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN62:2016/BTNMT (cột B, $K_q = 0,9$, $K_f = 1,3$)
1	pH	-	6,75	5,5 – 9
2	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/L	48,5	175,5
3	COD	mg/L	22,4	351
4	BOD ₅	mg/L	6,8	117
5	Tổng Nitơ (Theo N)	mg/L	< 10	175,5
6	Tổng Coliforms	MPN/100 mL	$1,3 \times 10^3$	5.000

Nguồn: Phiếu kết quả đính kèm phụ lục báo cáo

Nhận xét: Nước thải sau xử lý tại ao sinh học của cơ sở có chất lượng tốt, các thông số đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 62:2016/BTNMT trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận.

3. Kết quả quan trắc môi trường không khí

- Vị trí quan trắc: Không khí tại khuôn viên cơ sở cơ sở
- Tần suất quan trắc: 06 tháng/lần
- Thông số giám sát: Tiếng ồn, Bụi, CO, NO₂, SO₂, NH₃, H₂S.
- Quy chuẩn so sánh:
 - + QCVN 05: 2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.
 - + QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn áp dụng đối với khu vực thông thường từ 06 giờ đến 21 giờ.

Bảng 10. Kết quả quan trắc môi trường không khí khuôn viên cơ sở

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 05:2023/BTNMT	QCVN 26:2010/BTNMT
1	Tiếng ồn	dBA	57,2	-	70
2	Bụi	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	90	300	-
3	NO ₂	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	57	200	-
4	SO ₂	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	55	350	-
5	H ₂ S	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	KPH (MDL=5)	42	-
6	NH ₃	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	KPH (MDL=10)	200	-
7	CO	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	< 9.000	30.000	-

Nguồn: Phiếu kết quả đính kèm phụ lục báo cáo

*** Ghi chú:**

- QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn áp dụng đối với khu vực thông thường từ 06 giờ đến 21 giờ.

- QCVN 05: 2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

* **Nhận xét:** Môi trường xung quanh tại khuôn viên cơ sở có chất lượng tốt, tất cả các thông số quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2023/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT.

Chương VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở

Cơ sở chăn nuôi gà Nguyễn Văn Hùng có phát sinh nước thải sinh hoạt rất ít được xử lý bằng bể tự hoại trước khi xả thải ra môi trường, nước thải sản xuất chỉ phát sinh cuối mỗi đợt nuôi với lưu lượng rất ít và được lưu tại ao sinh học của cơ sở trước khi thải ra môi trường là sông Hậu do đó cơ sở không thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

Căn cứ Công văn số 964/KSONMT-CN&NH ngày 11/4/2023 của Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường về việc hướng dẫn thực hiện quan trắc nước thải, bụi, khí thải; Phụ lục II và XXVIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục

Căn cứ theo Điều 97 và Điều 98 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Căn cứ theo kết quả đánh giá, dự báo các nguồn thải phát sinh từ cơ sở chăn nuôi gà Nguyễn Văn Hùng, thì cơ sở không thuộc đối tượng thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục.

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ theo đề xuất của chủ cơ sở

a) Quan trắc môi trường không khí:

- Vị trí quan trắc: Không khí tại khuôn viên cơ sở.
- Tần suất quan trắc: 06 tháng/lần
- Thông số giám sát: Tiếng ồn, Bụi, CO, NO₂, SO₂, NH₃, H₂S.
- Quy chuẩn so sánh:
 - + QCVN 05: 2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.
 - + QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn áp dụng đối với khu vực thông thường từ 06 giờ đến 21 giờ.

b) Quan trắc nước thải

- Vị trí quan trắc: Nước thải sau xử lý tại ao sinh học của cơ sở trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.
- Tần suất quan trắc: 06 tháng/lần
- Thông số giám sát: pH, BOD₅, COD, TSS, tổng nitơ và tổng coliform.
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 62-MT:2016/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi (cột B với hệ số K_q = 0,9 và K_f =1,3)

c) Quan trắc chất lượng môi trường nước mặt

- Vị trí quan trắc: 01 mẫu nước mặt Sông Hậu tại điểm xả thải của cơ sở
- Tần suất quan trắc: 06 tháng/lần
- Thông số giám sát: pH, BOD₅, COD, TSS, Nitrat (NO₃⁻ tính theo N) và Coliform.
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 08:2023/BTNMT –Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt, Bảng 2, mức B

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Căn cứ theo chương trình quan trắc của Hộ kinh doanh Nguyễn Văn Hùng và đơn giá được áp dụng theo Quyết định số 1406/QĐ-UBND ngày 18/09/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Ban hành Bảng giá các thông số quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm tại cơ sở được dự toán cụ thể như sau:

Bảng 11. Dự toán kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

STT	Tên thông số	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	Nước thải				4.326.060
1	pH	Mẫu	2	93.664	187.328
2	TSS	Mẫu	2	235.782	471.564
3	BOD ₅	Mẫu	2	280.468	560.936
4	COD	Mẫu	2	327.901	655.802
5	Tổng nitơ	Mẫu	2	427.589	855.178
6	Coliform	Mẫu	2	797.626	1.595.252
II	Nước mặt				4.287.096

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của “Cơ sở chăn nuôi gà Nguyễn Văn Hùng”

STT	Tên thông số	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	pH	Mẫu	2	103.800	207.600
2	TSS	Mẫu	2	235.950	471.900
3	BOD ₅	Mẫu	2	287.494	574.988
4	COD	Mẫu	2	327.449	654.898
5	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	Mẫu	2	368.256	736.512
6	Coliform	Mẫu	2	820.599	1.641.198
III	Không khí				7.169.612
1	Tiếng ồn	Mẫu	2	290.789	581.578
2	Bụi	Mẫu	2	330.459	660.918
3	NO ₂	Mẫu	2	523.504	1.047.008
4	SO ₂	Mẫu	2	626.411	1.252.822
5	CO	Mẫu	2	673.716	1.347.432
6	H ₂ S	Mẫu	2	566.438	1.132.876
7	NH ₃	Mẫu	2	573.489	1.146.978
Tổng cộng					15.782.768

Chương VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong 02 năm gần nhất trước thời điểm lập báo cáo (từ năm 2022 đến nay), Cơ sở chăn nuôi gà Nguyễn Văn Hùng không tiếp đoàn kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường.

Chương VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường:

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường 2020 và các pháp luật liên quan khác ông Nguyễn Văn Hùng cam kết các thông tin, số liệu nêu trong báo cáo là hoàn toàn chính xác. Cam kết thực hiện, duy trì các biện pháp bảo vệ môi trường như đã nêu ra trong báo cáo hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu bảo vệ môi trường khác có liên quan:

Chủ cơ sở cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan trong quá trình hoạt động, nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường trong quá trình thực hiện của Cơ sở, cụ thể:

- Nước thải sinh hoạt: Được xử lý bằng hầm tự hoại và xả vào ao sinh học của cơ sở để lắng và lọc trước khi xả thải ra sông Hậu

- Nước thải sản xuất: Được xử lý lắng, lọc tại ao sinh học của cơ sở trước khi xả thải ra sông Hậu.

- Chất thải rắn: Chất thải thông thường, chất thải nguy hại được phân loại, thu gom, vận chuyển và lưu giữ tại thùng chứa chất thải theo đúng quy định, hợp vệ sinh. Ký hợp đồng vận chuyển xử lý chất thải với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

- Chủ cơ sở cam kết khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp các sự cố, rủi ro môi trường xảy ra theo đúng các quy định của pháp luật của Việt Nam.

- Chủ cơ sở cam kết đền bù và khắc phục các sự cố môi trường khi xảy ra sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở .

- Chủ cơ sở cam kết nộp phí bảo vệ môi trường đầy đủ và đúng thời gian.

- Cam kết thực hiện nghiêm túc kế hoạch, chương trình quan trắc, giám sát môi trường như đã nêu.

- Các công trình xử lý môi trường được thi công, lắp đặt đầy đủ, đảm bảo chất lượng. Ông Nguyễn Văn Hùng hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam, các quy chuẩn Việt Nam và không để xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường.

PHỤ LỤC

ỦY BAN NHÂN DÂN

Huyện Cầu Kè

CHỨNG NHẬN

Họ tên: Nguyễn Thị Tư, Sinh năm 1935,
Trú quán: ấp Dinh An - Xã An Phú Tân - Huyện Cầu Kè
Được quyền sử dụng (2590) m² đất.

Tại: Xã An Phú Tân
Huyện Cầu Kè
Tỉnh Trà Vinh

Theo bảng liệt kê dưới đây:

Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Thời hạn sử dụng	Phần ghi thêm
3	1276	2590	Giáo	18/07/2004	Xây dựng bản vẽ địa chính chính quy sẽ được kiểm tra lại diện tích đất

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ
Ngày 31 tháng 07 năm 2004
CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG HƯNG THẠNH

Ngày 24 tháng 1 năm 2004

Chủ tịch UBND HUYỆN

Vào sổ cấp giấy chứng nhận
Quyền sử dụng đất

Số OSDD/237.60.11.011

Phạm Hồng Sơn

Phạm Hoàng Thọ



TỈNH TRÀ VINH

HUYỆN/THÀNH PHỐ: Cầu Lộ

XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN: An Phú Tân

SỔ ĐĂNG KÝ NUÔI GIA CẦM TẬP TRUNG

Sử dụng cho: gà, vịt nuôi nhốt, vịt xiêm

Họ và tên chủ nuôi: Nguyễn Văn Hùng

Địa chỉ: H4, Đường M, TT VH Tây Đô, Hưng

Thạnh, Cái Răng, TP Cần Thơ

Địa điểm nuôi: Dms An - An Phú Tân

CMND số: 0920670028.01 ngày cấp: 14/8/2021

Nơi cấp: Cục CL QL HC về TT XH

Điện thoại: 0939737097

APT, ngày 28 tháng 11 năm 2023

UBND xã An Phú Tân

(Ký, ghi rõ họ, tên, đóng dấu)



CHỦ TỊCH

Chinh

Diêu Thanh Tùng



**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH
ĐỘNG VẬT VẬN CHUYỂN RA KHỎI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH**

Số: **015492 /CN-KDRV-UC**

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện): **Nguyễn Văn Hùng**

Địa chỉ giao dịch:

Điện thoại: **0907393522** Fax: Email:

Vận chuyên số động vật sau:

Loại động vật	Tuổi (1)	Tính biệt		Số lượng (con)	Mục đích sử dụng
		Đực	cái		
Chăn con				15400	NUS
Tổng số				15400	

Tổng số (viết bằng chữ): **Mười lăm ngàn bốn trăm con**

Nơi xuất phát: **Ấp Tân Phú, xã Tân Phú, Huyện Tân Phú, Tỉnh Vĩnh Long**

Nơi đến cuối cùng: **Trần Nguyễn Văn Hùng, An Phú, Phường Cầu Lộ, Tỉnh Vĩnh Long**

Phương tiện vận chuyên: **CĐ** Biên kiểm soát: **0216**

Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyên (nếu có):

1/ Số lượng:

2/ Số lượng:

3/ Số lượng:

Các vật dụng khác có liên quan: **Nệm PVC 56-21 - 34x46**

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

Tôi, kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận:

1/ Số động vật trên xuất phát từ vùng/cơ sở an toàn với các bệnh:

2/ Số động vật trên không có triệu chứng lâm sàng của bệnh truyền nhiễm khi xuất phát;

3/ Động vật đã được xét nghiệm và có kết quả âm tính với các bệnh:

ngày/...../..... của (2) (gửi kèm bản sao, nếu có).

4/ Động vật đã được tiêm phòng vắc xin với các bệnh:

- **Chăn lợn, BVD** tiêm phòng ngày **22/09/2023**

- **Núicastle** tiêm phòng ngày **22/09/2023**

..... tiêm phòng ngày/...../.....

..... tiêm phòng ngày/...../.....

5/ Phương tiện vận chuyên, các vật dụng khác có liên quan kèm theo bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng **Đồ dùng** nồng độ **0,1%** ngày **20/11/2023**

Giấy có giá trị đến ngày: **20/11/2023** Cấp tại **.....** ngày **20/11/2023**

KIỂM DỊCH VIÊN ĐỘNG VẬT

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

0910

BS. Trần Minh Hùng

(1): Đối với động vật làm giống.
(2): Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.



Mã số/ Ref. No: 08038/2023/PKQ (23.6943)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Client's Name: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG TỬ THIÊN
2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: TRẠI CHĂN NUÔI GÀ NGUYỄN VĂN HÙNG - Ấp Dinh An, xã An Phú Tân, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh
3. Loại mẫu/ Type of sample: Không khí xung quanh
4. Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ Sampling locations	Tọa độ/ Coordinate
23.6943.K.01	Tại khuôn viên của cơ sở	X=1093485, Y=0554586

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) /Sample date (Sample receipt): 20/10/2023

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 27/10/2023

7. Bảng kết quả/ Results table

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result	QCVN không khí xung quanh
				23.6943.K.01	Trung bình 1 giờ ⁽¹⁾
1	Tiếng ồn ^(a)	dB(A)	TCVN 7878-2:2018	57,2	70 ⁽²⁾
2	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(a)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	90	300 ⁽³⁾
3	NO ₂ ^(a)	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	57	200 ⁽³⁾
4	SO ₂ ^(a)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	55	350 ⁽³⁾
5	H ₂ S ^(a)	µg/Nm ³	MASA 701	KPH (MDL=5)	42 ⁽³⁾
6	NH ₃ ^(a)	µg/Nm ³	MASA 401	KPH (MDL=10)	200 ⁽³⁾
7	CO ^(a)	µg/Nm ³	SOP-H16	< 9.000	30.000 ⁽³⁾

Chú thích/ Remarks:

- (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.
- KPH: Không phát hiện (<MDL)/ Not detected
- (1): Trung bình một giờ là giá trị trung bình của các giá trị đo được trong khoảng thời gian một giờ.
- (2): QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, khu vực thông thường (từ 6 giờ - 21 giờ).
- (3): QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 10 năm 2023



ĐOÀN THỊ THỦY

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample
2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ****DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC**

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 028.66604779 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: daiphuenvironment.com or giamsatmoitruong.com.vn

VIMCERTS
292

Mã số/ Ref. No: 08040/2023/PKQ (23.6943)

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM****TEST REPORT**

1. Tên khách hàng/ Client's Name: **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG TỬ THIÊN**
2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: **TRẠI CHĂN NUÔI GÀ NGUYỄN VĂN HÙNG - Ấp Dinh An, xã An Phú Tân, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh**
3. Loại mẫu/ Type of sample: **Nước mặt**

4. Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ Sampling locations	Tọa độ/ Coordinate
23.6943.NM .01	Tại vị trí tiếp nhận nước thải sau xử lý	X=1093451, Y=0554470

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) /Sample date (Sample receipt): 20/10/2023

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 27/10/2023

7. Bảng kết quả/ Results table

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result	QCVN 08:2023/BTNMT
				23.6943.NM .01	Bảng 2, Mức B ⁽¹⁾
1	pH ^(a,b)	-	TCVN 6492:2011	6,41	6 ÷ 8,5
2	TSS ^(a,b)	mg/L	TCVN 6625:2000	41,5	100
3	COD ^(a,b)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	12,8	15
4	BOD ₅ ^(a,b)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	3,8	6
5	NH ₄ ⁺ (NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017	0,18	0,3
6	Tổng P ^(a,b)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,08	0,3
7	Coliform ^(a,b)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	1,1x10 ³	5.000

Chú thích/ Remarks:

1 (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.

2 (b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận/ The parameter has been recognized by ISO/IEC 17025:2017.

3 (1): Bảng 2. Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước sông, suối, kênh, mương, khe, rạch và bảo vệ môi trường sông dưới nước; Mức B. Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 10 năm 2023



ĐOÀN THỊ THỦY

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample

2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company

Mã số: TTCL-11/BM08

Lần ban hành: 01

Ngày ban hành: 02/07/2021

Trang/ Page No: 1/1



Mã số/ Ref. No: 08039/2023/PKQ (23.6943)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Client's Name: **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG TỪ THIỆN**
2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: **TRẠI CHĂN NUÔI GÀ NGUYỄN VĂN HÙNG - Ấp Dinh An, xã An Phú Tân, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh**
3. Loại mẫu/ Type of sample: **Nước thải**

4. Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ Sampling locations	Tọa độ/ Coordinate
23.6943.NT.01	Nước thải tại ao sinh học	X=1093494, Y=0554570

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) /Sample date (Sample receipt): 20/10/2023

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 27/10/2023

7. Bảng kết quả/ Results table

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result	QCVN 62- MT:2016/BTNMT
				23.6943.NT.01	C _{max} ⁽¹⁾
1	pH ^(a,b)	-	TCVN 6492:2011	6,75	5,5 ÷ 9
2	TSS ^(a,b)	mg/L	TCVN 6625:2000	48,5	175,5
3	COD ^(a,b)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	22,4	351
4	BOD ₅ ^(a,b)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	6,8	117
5	Tổng N ^(a,b)	mg/L	TCVN 6638:2000	<10	175,5
6	Coliform ^(a,b)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	1,3x10 ³	5.000

Chú thích/ Remarks

1. (a) Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment
2. (b) Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận/ The parameter has been recognized by ISO/IEC 17025:2017
". " Không quy định
3. (1) Kq=0,9 và Kf=1,3

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 10 năm 2023



ĐOÀN THỊ THỦY

QUY ĐỊNH SỬ DỤNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Tổ chức được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường phải thực hiện nghiêm chỉnh các quy định sau:

1. Xuất trình Giấy chứng nhận khi có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
2. Cấm sửa chữa, tẩy xóa, giả mạo nội dung trong Giấy chứng nhận.
3. Cấm cho mượn, cho thuê và trao đổi Giấy chứng nhận
4. Cấm hoạt động không đúng phạm vi, lĩnh vực theo Giấy chứng nhận được cấp.
5. Làm thủ tục đăng ký gia hạn, cấp lại, điều chỉnh nội dung tại Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



GIẤY CHỨNG NHẬN

**ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG
DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG**

Số hiệu: VIMCERTS 292

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CHỨNG NHẬN

ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Số hiệu: **VIMCERTS 292**

(Cấp lần 01)

Tên tổ chức:

Công ty cổ phần xây dựng và môi trường Đại Phú

Trụ sở chính và Phòng thí nghiệm: 156 đường Vườn Lài,
phường An Phú Đông, quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

Quyết định số: **218** /QĐ-BTNMT ngày **27** tháng **01** năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chứng nhận đăng ký hoạt
động thử nghiệm và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

Người đứng đầu tổ chức:

Họ và tên: Đoàn Thị Thuý Chức vụ: Giám đốc

Số CMT: 025532917

Nơi cấp: Công an Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày cấp: 15 tháng 11 năm 2011

Thời hạn của Giấy chứng nhận: Ba (03) năm

Kể từ ngày ký đến hết ngày **26** tháng **01** năm 2025

LĨNH VỰC VÀ PHẠM VI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

I. QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

1. Nước:

- Nước mặt:	Lấy mẫu: 05	Đo tại hiện trường: 08 thông số
- Nước thải:	Lấy mẫu: 02	Đo tại hiện trường: 07 thông số
- Nước biên:	Lấy mẫu: 04	Đo tại hiện trường: 07 thông số
- Nước dưới đất:	Lấy mẫu: 02	Đo tại hiện trường: 08 thông số

2. Khí:

- Không khí xung quanh:	Lấy mẫu: 34	Đo tại hiện trường: 07 thông số
- Khí thải:	Lấy mẫu: 32	Đo tại hiện trường: 12 thông số

3. Đất:

Lấy mẫu: 01

4. Bùn:

Lấy mẫu: 01

5. Trầm tích:

Lấy mẫu: 01

6. Chất thải rắn:

Lấy mẫu: 01

II. PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

1. Nước:

- Nước mặt:	37 thông số
- Nước thải:	38 thông số
- Nước biên:	22 thông số
- Nước dưới đất:	35 thông số

2. Khí:

- Không khí xung quanh:	19 thông số
- Khí thải:	10 thông số

3. Đất:

13 thông số

4. Bùn:

15 thông số

5. Trầm tích:

08 thông số

6. Chất thải rắn:

10 thông số

(Chi tiết phương pháp thử, giới hạn phát hiện của các thông số được chứng nhận
kèm theo Quyết định số: **218** /QĐ-BTNMT ngày **27** tháng **01** năm 2022 của Bộ trưởng
Bộ Tài nguyên và Môi trường)./

Hà Nội, ngày **27** tháng **01** năm 2022

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG



Võ Tuấn Nhân

Hà Nội, ngày 27 tháng 01 năm 2022

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Xét đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường chứng nhận:

1. Công ty cổ phần xây dựng và môi trường Đại Phú

Trụ sở: 156 đường Vườn Lài, phường An Phú Đông, quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Số điện thoại: 028.66604779

- Địa chỉ Email: mtdaiphu@gmail.com

Đã đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực: **Quan trắc môi trường** (Chi tiết phương pháp thử, giới hạn phát hiện của các thông số được chứng nhận kèm theo Quyết định số: 218 /QĐ-BTNMT ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

2. Số đăng ký: 292/TN-QTMT.

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 03 năm kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Công ty cổ phần xây dựng và môi trường Đại Phú;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Sở TN&MT Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT, VPMC, TCMT, QI, CL(10).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG



Võ Tuấn Nhân

Số: 218 /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày 27 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm và đủ điều kiện
hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 19/2015/TT-BTNMT ngày 23 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc thẩm định điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và mẫu giấy chứng nhận;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Quyết định số 796/QĐ-BTNMT ngày 27 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy trình thí điểm liên thông giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực quan trắc môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Hồ sơ đề nghị thực hiện quy trình thủ tục liên thông giải quyết thủ tục chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường và chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường của Công ty cổ phần xây dựng và môi trường Đại Phú;

Căn cứ kết quả thẩm định của Tổng cục Môi trường về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường và chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường đối với Công ty cổ phần xây dựng và môi trường Đại Phú;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chứng nhận "**Công ty cổ phần xây dựng và môi trường Đại Phú**", địa chỉ tại 156 đường Vườn Lài, phường An Phú Đông, quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, đã đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường (số đăng ký **292/TN-QTMT**) theo quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (mã số **VIMCERTS 292**) theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (các Giấy chứng nhận kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Thông tin chi tiết về lĩnh vực và phạm vi chứng nhận tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Công ty cổ phần xây dựng và môi trường Đại Phú phải thực hiện đầy đủ quy định về chứng nhận theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực 03 năm kể từ ngày ký.

Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường, Chánh Văn phòng Bộ và Công ty cổ phần xây dựng và môi trường Đại Phú chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Sở TN&MT Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT, VPMC, TCMT, QLCL(10).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Võ Tuấn Nhân